TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/**2025/HS-ST
Ngày 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**;
2/ Ông **Trương Thanh Tuấn**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông **Trần Văn Lộc**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Điệp**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Danh H, sinh ngày: 13/4/1999**,** tại huyện G - tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh C - sinh năm 1968 và bà Lương Thị V - Sinh năm: 1963; A, chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất là bị cáo; Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Vào ngày 20/4/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 09 năm tù về tội "Giết người", chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2023, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: có 02.

+ Vào ngày 12/08/2024 Công an xã B, huyện G ra quyết định số 03/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Danh H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), chưa nộp phạt.

+ Đến ngày 14/08/2024 UBND xã B, huyện G ra quyết định số 302/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với Danh H về hành vi trộm cắp tài sản số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng), đến nay chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tam giam từ ngày 18/9/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Phạm Quốc T**, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Số E T, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Chổ ở hiện nay: Ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Phạm Trí K**, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Anh **Danh T1**, sinh năm 2008 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Danh S**, sinh năm 1956 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 08/09/2024 Danh H sinh ngày 13/4/1999 cư trú ấp Sở tại, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang đi bộ đến tiệm tạp hóa của bà P (cách nhà khoảng 100m) để mua thuốc hút. Trên đường đi ngang tiệm bán đồ điện gia dụng của anh Phạm Quốc T ngụ cùng ấp. Danh H thấy cửa nhà đóng, nhưng khoen cửa bên ngoài có móc một ổ khóa cùng nhiều chìa khóa Hạt đến lấy ổ khóa cùng chìa khóa rồi đi tiếp. Khi đến tiệm tạp hóa của bà P cửa đóng nên H quay về nhà. Trên đường về Hạt kiểm tra trong chùm chìa khóa vừa lấy được có 01 chìa khóa xe nên nảy sinh ý định trộm cắp xe trong nhà anh T. Sau đó, Danh H đi về nhà rủ Danh T1 sinh ngày 11/12/2008 cùng đi lấy trộm xe, T1 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09/9/2024 H và T1 cùng đi bộ đến nhà T để trộm cắp xe, khi đến nhà anh T cửa đóng nên H và T1 dùng tay đẩy mạnh nhiều cái không mở được, bên trong có khóa chốt nên H kêu T1 trèo vào mở khóa. Khi T1 vào bên trong mở được chốt khóa cửa H và T1 cùng lén lút đẩy xe mô tô biển số 59L2 - 978.01 loại VARIO 125 của anh T ra lộ, H dùng chìa khóa đã lấy trước đó mở khóa xe chạy chở T1 về hướng xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Khi đến ngã ba G Danh H dừng xe lại kiểm tra bên trong cóp xe phát hiện có 01 cái bóp nam (ví) màu đen, bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số đăng ký 59L2 - 978.01, 01 giấy phép lái xe B2, 01 giấy căn cước công dân, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng A (tất cả các giấy tờ trên đứng tên Phạm Quốc T), 11 đô la Mỹ (06 tờ), 200 đô Đài Loan (02 tờ), 02 mắt kính màu đen. Hạt để giấy tờ và tiền vào trong cốp xe, vứt cái bóp xuống lộ rồi chạy xe chở T1 đi tiếp, trên đường đi Hạt tiếp tục vứt bỏ giấy căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, thẻ ngân

hàng A và bằng lái xe B2 của anh T. Sau đó, H điều khiển xe đến nhà Phạm Trí K (Khải đầu bít) cư trú ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang dùng số tiền nước ngoài (11 đô la Mỹ và 200 đô Đài Loan) đã trộm được đổi lấy ma túy đem về nhà Lê Hoàng K1 ở ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cùng với Lê Hoàng K1 và Danh T1 sử dụng ma túy trên. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày H một mình chạy xe mô tô vừa trộm được của anh T cầm cho Phạm Trí K với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Sau khi nhận được tiền H mua lại 01 xe mô tô biển số 71C2 - 069.15 loại Attila elizabeth, màu sơn đỏ của người phụ nữ (không xác định được địa chỉ nhà cụ thể) giá 5.500.000 đồng và mua 01 điện thoại di động hiệu Vivo giá 2.200.000 đồng để sử dụng, số tiền còn lại Hạt tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, H hết tiền nên cầm điện thoại di động hiệu Vivo cho cửa hàng điện thoại di động ở C (không xác định được tên cửa hàng điện thoại di động) với giá 700.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Hạt điều khiển xe mô tô biển số 71C2 - 069.15 vừa mua được vi phạm trật tự an toàn giao thông bị Công an phường V, TP ., tỉnh Kiên Giang tạm giữ phương tiện.

Đến ngày 18/9/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G mời D về làm việc. Tại đây, Danh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời Cơ quan điều tra test nhanh Danh Hạt dương tính với ma túy.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/BKL/HĐĐG ngày 24/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01, hiệu HONDA, loại VARIO 125, màu sơn xanh đen, số máy: JM51E1361252, số khung: 5116KK361649 có giá trị tại thời điểm ngày 09/9/2024 là 20.750.000 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm năm chục nghìn đồng).

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/BKL/HĐ-ĐG ngày 13/12/2024 của Hội đồng định gía tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận:

- 01 (một) cái bóp (ví) nam màu đen có giá trị 100.000 đồng
- 02 (hai) kính đeo mắt màu đen có giá trị 280.000 đồng
- 11 đô la Mỹ có giá khảo sát trên thị trường là 268.400
- 200 đô Đài Loan có giá khảo sát trên thị trường là 156.200 đồng

Tổng cộng là: 804.600 đồng (tám trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng).

Về vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01, hiệu HONDA, loại VARIO 125, màu sơn xanh đen, số máy: JM51E1361252, số khung: 5116KK361649.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy số: 159551, biển số đăng ký: 59L2 - 978.01, tên chủ xe: Phạm Quốc T.

- 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 71C2 - 069.15, hiệu SYM, loại Attila elizabeth, màu sơn đỏ, xe đã qua sử dụng.

Vật chứng không thu giữ được gồm:

- 01 (một) căn cước công dân tên Phạm Quốc T.
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Quốc T.
- 01 (một) giấy phép lái xe B2 tên Phạm Quốc T.
- 01 (một) thẻ ngân hàng A1 tên Phạm Quốc T.
- 01 (một) cái bóp (ví) nam màu đen
- 02 (hai) kính đeo mắt màu đen.
- 11 đô la Mỹ.
- 200 đô Đài Loan.
- 01 điện thoại di động hiệu Vivo.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-CT ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Danh H về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Danh H từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại là anh Phạm Quốc T 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01, hiệu HONDA, loại VARIO 125, màu sơn xanh đen, số máy: JM51E1361252, số khung: 5116KK361649 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy số: 159551, biển số đăng ký: 59L2 - 978.01, tên chủ xe: Phạm Quốc T.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước phương tiện do bị cáo phạm tội mà có là 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 71C2 - 069.15, hiệu SYM, loại Attila elizabeth, màu sơn đỏ, xe đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01 và không yêu cầu bồi thường các tài sản khác nên không xem xét xử lý.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trí K yêu cầu bị cáo Danh H trả lại số tiền 10.000.000 đồng và tại phiên toà bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo để xem xét theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09/9/2024 Danh Hạt sinh ngày 13/4/1999 và Danh T1 sinh ngày 11/12/2008 lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác, tài sản không người trông coi đã cùng đột nhập vào nhà anh Phạm Quốc T cư trú ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số đăng ký 59L2 - 978.01 và cùng các tài sản khác gồm 01 cái bóp (ví) nam màu đen; 02 kính đeo mắt màu đen; 11 đô la Mỹ và 200 đô Đài Loan để trong cóp xe của anh Phạm Quốc T. Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản là 21.554.600 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ....".* Như vậy, hành vi bị cáo lén lút lấy trộm tài sản có giá trị là 21.554.600 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" như đã viện dẫn nêu trên.

Do đó, có cơ sở kết luận cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Danh H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Danh T1 do tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng nên đề nghị xử lý hành chính theo quy định.

Đối với việc Danh H khai có mua ma túy của Phạm Trí K để sử dụng, do chưa có căn cứ xử lý. Vì vậy, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ; nếu có cơ sở sẽ tiến hành xử lý theo quy định

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người trưởng thành nên có đủ nhận thức biết rỏ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động muốn hưởng thụ trên tài sản của người khác mà không phải mất sức lo động nên bị cáo đã đi tìm tài sản trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi bị cáo đi ngang tiệm bán đồ điện gia dụng của anh T cùng ấp, bị cáo thấy cửa nhà anh T đóng nhưng khoen cửa bên ngoài có móc một ổ khóa cùng nhiều chìa khóa nên bị cáo đến lấy rồi đi đến tiệm tạp hóa của bà P mua đồ, trên đường quay về nhà bị cáo nảy sinh ý định vào nhà anh T trộm cắp 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01 nên bị cáo đã đi về nhà rủ ghê D T1 cùng đi lấy cắp tài sản của anh T để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân tại địa phương, gây mất an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án mặc khác bị cáo còn rủ ghê, xúi giục Danh T1 là người chưa thành niên cùng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mình. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D Hạt có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo thực hiện do lỗi cố ý nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (tái phạm). Đồng thời bị cáo Danh H có hành vi rủ ghê, xúi giục Danh T1 là người chưa đủ 18 tuổi cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội), qua đây cho thấy nhân thân bị cáo xấu để HĐXX xem xét hình phạt khi lượng hình.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có trình độ học vấn thấp và là dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật có phần còn hạn chế, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản trộm đã giao trả lại cho người bị hại. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình để có mức án phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo chở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo là người không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

[8.1] Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản cho bị hại bị hại là anh Phạm Quốc T 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 59L2 - 978.01, hiệu HONDA, loại VARIO 125, màu sơn xanh đen, số máy: JM51E1361252, số khung: 5116KK361649 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô xe máy số: 159551, biển số đăng ký: 59L2 - 978.01, tên chủ xe: Phạm Quốc T. Xét thấy, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

[8.2] Đối với 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 71C2 - 069.15, hiệu SYM, loại Attila elizabeth, màu sơn đỏ, xe đã qua sử dụng là phương tiện do bị cáo phạm tội mà có nên cần xử tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[9.1] Bị hại anh Phạm Quốc T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9.2] Trong quá trình điều tra, khởi tố người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trí K không yêu cầu bị cáo Danh H trả lại số tiền 10.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay anh K có đơn yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 10.000.000đ và tại phiên toà bị cáo cũng tự nguyện đồng ý trả lại cho anh K số tiền 10.000.000đ nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo để xem xét.

[10] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Danh H **02 (hai) năm 06 (sáu)** tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 18/9/2024.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh H đồng ý trả lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho anh Phạm Trí K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu

một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển đăng ký số 71C2 - 069.15, hiệu SYM, loại Attila elizabeth, màu sơn đỏ, xe đã qua sử dụng là phương tiện do bị cáo phạm tội mà có.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 05/QĐ-VKSGR ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Danh H phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và (10.000.000đ x 5%) = 500.000 (*Năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- Công An huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, người bị hại và NĐDHPCBC;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung

VKS tham gia tranh luận với Luật sư: Đại VKS thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ cũng như nguyên tắc áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự mà Luật sư đề nghị. Riêng đối với tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm .....khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo là ..... phù hợp với quy định pháp luật, bởi bị cáo không phải là người có công với cách mạng cũng như cha bị cáo không phải là Liệt sĩ. Còn về hình phạt thì VKS đã xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tính chất phạm tội của bị cáo nên đã đưa ra mức án đề nghị từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, là vừa và tương xứng đối với bị cáo. Do đó, VKS vẫn giữ nguyên quan điểm và không tham gia tranh luận gì thêm.

Tuy nhiên, như đại diện VKS đã phân tích thì bị cáo không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nếu xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà VKS đã đề nghị thì sẽ không đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.